



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C
NHNN NĂM 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN
CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA BẮC NĂM 2023

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		NHNN CHI NHÁNH BẮC NINH							
		Bàn phỏng vấn 1, từ 14h00 - 15h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	TTGS2081	Hoàng Thúy An		15-07-1999	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
2	TTGS2084	Nguyễn Thị Lan Anh		14-01-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	42/60	19/30	Đạt
3	TTGS2085	Trần Mai Anh		11-11-1993	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	37/60	21/30	Đạt
4	TTGS2087	Nguyễn Thị Thùy Dung		17-04-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	43/60	26/30	Đạt
5	TTGS2088	Nguyễn Thị Ninh Giang		09-10-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	31/60	26/30	Đạt
6	TTGS2089	Nguyễn Trà Giang		19-12-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
7	TTGS2092	Phạm Minh Nhật	03-04-1997		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	30/60	26/30	Đạt
8	TTGS2093	Nguyễn Hồng Nhung		12-10-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	36/60	21/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1, từ 15h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
9	TTGS2096	Lê Huệ Phương		22-10-1994	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	44/60	29/30	Đạt
10	TTGS2097	Nguyễn Anh Phương		31-08-2001	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
11	TTGS2103	Trần Thị Thanh Trà		28-10-1994	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	39/60	16/30	Đạt
12	TTGS2105	Hoàng Thị Việt Trinh		09-07-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	34/60	18/30	Đạt
13	TTGS2106	Đinh Thị Tường		02-08-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	38/60	26/30	Đạt
14	TTGS2108	Đặng Thị Hải Yến		25-12-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	39/60	25/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
15	TTGS2095	Hoàng Thu Phương		08-09-1996	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	27/60	21/30	Không đạt
16	TTGS2101	Nguyễn Hoài Thu		08-06-1992	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	20/60	-	Không đạt
17	TTGS2107	Nguyễn Thu Uyên		28-03-2000	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH	26/60	25/30	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
18	TTGS2082	Đỗ Đức	Anh	29-07-1997		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
19	TTGS2083	Ngô Phương	Anh		18-05-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
20	TTGS2086	Nghiêm Minh	Diệp		24-10-1999	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2090	Lê Thị	Linh		14-09-1994	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
22	TTGS2091	Nguyễn Thị Hà	Mi		13-08-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2094	Nguyễn Đức	Phong	10-07-1995		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2098	Phạm Thị	Phương		02-08-1992	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
25	TTGS2099	Trần Thị	Quyên		01-02-1995	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
26	TTGS2100	Doãn Thế	Son	07-02-1998		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
27	TTGS2102	Nguyễn Thu	Thùy		29-10-1998	CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
28	TTGS2104	Nguyễn Khắc	Trang	28-11-1980		CN Bắc Ninh	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HÀ NAM										
Bàn phỏng vấn 3, từ 07h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023										
1	TTGS2250	Hoàng Thị	Ánh		17-02-1999	CN Hà Nam	CV TTGSNH	38/60	28/30	Đạt
2	TTGS2252	Trịnh Trung	Dũng	16-11-2001		CN Hà Nam	CV TTGSNH	43/60	21/30	Đạt
3	TTGS2255	Vũ Thị Thùy	Linh		13-09-1997	CN Hà Nam	CV TTGSNH	42/60	30/30	Đạt
4	TTGS2259	Vi Hương	Thom		06-09-1995	CN Hà Nam	CV TTGSNH	42/60	21/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
5	TTGS2251	Đinh Việt	Dũng	06-02-1998		CN Hà Nam	CV TTGSNH	23/60	15/30	Không đạt
6	TTGS2254	Nguyễn Thùy	Linh		13-02-2001	CN Hà Nam	CV TTGSNH	30/60	-	Không đạt
7	TTGS2256	Trần Duy	Lộc	05-04-2001		CN Hà Nam	CV TTGSNH	27/60	-	Không đạt
8	TTGS2258	Nguyễn Minh	Quân	16-03-2000		CN Hà Nam	CV TTGSNH	32/60	13/30	Không đạt
9	TTGS2253	Phạm Lê Minh	Hằng		24-03-1999	CN Hà Nam	CV TTGSNH			Vắng
10	TTGS2257	Lê Thái	Nữ		13-04-1998	CN Hà Nam	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HÀ NỘI										
Bàn phỏng vấn 1, từ 07h00 - 08h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023										
1	CSTT2041	Dương Quỳnh	Anh		23-09-2000	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT	38/60	29/30	Đạt
2	CSTT2043	Phạm Thị Phương	Anh		27-05-2000	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT	35/60	26/30	Đạt
3	CSTT2044	Phạm Việt Phương	Anh		14-09-1999	CN Hà Nội	CVHĐ và thực thi CSTT	42/60	27/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
4	CSTT2046	Lê Thị Ngọc Ánh		03-07-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	43/60	25/30	Đạt
5	CSTT2047	Nguyễn Thị Thùy Dung		18-12-1987	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	45/60	24/30	Đạt
6	CSTT2050	Lữ Thu Hằng		18-02-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	30/60	20/30	Đạt
7	CSTT2056	Trần Hồng Khánh		12-04-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	34/60	22/30	Đạt
8	CSTT2058	Đặng Thùy Linh		24-04-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	49/60	24/30	Đạt
9	CSTT2059	Lê Thị Linh		17-10-1990	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	40/60	22/30	Đạt
10	CSTT2061	Trần Phương Linh		14-03-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	37/60	30/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1, từ 08h30 - 09h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023									
11	CSTT2063	Lê Thị Loan		24-12-1991	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	42/60	30/30	Đạt
12	CSTT2064	Chu Thị Ngọc Mai		11-05-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	44/60	22/30	Đạt
13	CSTT2066	Nguyễn Đức Mạnh	15-01-2001		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	31/60	24/30	Đạt
14	CSTT2070	Nguyễn Đình Nam	28-11-1993		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	51/60	24/30	Đạt
15	CSTT2071	Nguyễn Thị Ngọc		12-04-1985	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	42/60	22/30	Đạt
16	CSTT2072	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc		10-12-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	40/60	18/30	Đạt
17	CSTT2078	Bùi Thị Hương Quỳnh		04-05-1996	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	37/60	19/30	Đạt
18	CSTT2083	Ngô Chí Thành	16-03-1996		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	35/60	17/30	Đạt
19	CSTT2084	Đặng Thị Thảo		10-09-1987	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	45/60	Miễn	Đạt
20	CSTT2085	Nguyễn Phương Thảo		01-09-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	41/60	28/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1, từ 09h30 - 11h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023									
21	CSTT2086	Trần Hương Thảo		30-07-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	34/60	28/30	Đạt
22	CSTT2088	Đỗ Thị Thu		04-10-1990	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	42/60	23/30	Đạt
23	CSTT2090	Dào Thị Thủy		25-01-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	34/60	21/30	Đạt
24	CSTT2091	Lê Hồng Thủy		11-01-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	41/60	23/30	Đạt
25	CSTT2093	Nguyễn Thị Thùy Trâm		09-11-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	44/60	29/30	Đạt
26	CSTT2095	Ngô Thu Trang		07-09-1993	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	41/60	26/30	Đạt
27	CSTT2098	Trần Phương Trang		30-09-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	43/60	23/30	Đạt
28	CSTT2099	Lê Ngọc Tuấn	18-10-1999		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	40/60	23/30	Đạt
29	CSTT2100	Nguyễn Thị Hồng Xoan		11-01-1995	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	49/60	25/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 1, từ 13h00 - 14h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023								
30	TTGS2356	Đặng Thị Phương	Anh		26-06-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	21/30	Đạt
31	TTGS2359	Đỗ Thị Minh	Anh		29-08-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	25/30	Đạt
32	TTGS2362	Lê Ngọc	Anh		29-08-1996	CN Hà Nội	CVTTGSNH	38/60	25/30	Đạt
33	TTGS2363	Lê Quỳnh	Anh		12-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	25/30	Đạt
34	TTGS2365	Ngô Thị Phương	Anh		03-02-1996	CN Hà Nội	CVTTGSNH	35/60	27/30	Đạt
35	TTGS2367	Nguyễn Hồng	Anh		25-07-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	44/60	30/30	Đạt
36	TTGS2369	Nguyễn Khắc Hoàng	Anh	03-10-1997		CN Hà Nội	CVTTGSNH	34/60	21/30	Đạt
37	TTGS2370	Nguyễn Phương	Anh		04-03-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt
38	TTGS2371	Nguyễn Thị Lan	Anh		15-08-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
39	TTGS2372	Nguyễn Thị Lan	Anh		21-06-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1, từ 14h00 - 15h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023								
40	TTGS2376	Nguyễn Thị Vân	Anh		15-07-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	25/30	Đạt
41	TTGS2382	Vũ Bảo Quế	Anh		17-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	20/30	Đạt
42	TTGS2384	Vũ Phương	Anh		24-07-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	27/30	Đạt
43	TTGS2387	Phạm Ngọc	Ánh		24-11-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	29/30	Đạt
44	TTGS2388	Đỗ Ngọc	Bích		11-08-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	17/30	Đạt
45	TTGS2390	Trần Thanh	Bình	15-09-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	26/30	Đạt
46	TTGS2392	La Văn	Công	25-06-1994		CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
47	TTGS2396	Phạm Minh	Châu		24-03-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	22/30	Đạt
48	TTGS2398	Lê Linh	Chi		03-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	25/30	Đạt
49	TTGS2400	Trần Khánh	Chi		24-03-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1, từ 15h00 - 17h00 Chủ Nhật ngày 10/12/2023								
50	TTGS2402	Vũ Việt	Chinh		02-07-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
51	TTGS2403	Nguyễn Tiến	Danh	03-04-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
52	TTGS2404	Nguyễn Hồng	Diễm		03-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	47/60	29/30	Đạt
53	TTGS2408	Nguyễn Hải	Dung		31-03-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	23/30	Đạt
54	TTGS2409	Nguyễn Lê Mỹ	Dung		02-11-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
55	TTGS2413	Trịnh Trung	Dũng	16-11-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	20/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
56	TTGS2414	Hoàng Thùy	Duyên		22-11-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt
57	TTGS2415	Lê Mỹ	Duyên		22-06-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt
58	TTGS2417	Nguyễn Thùy	Dương		09-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	27/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 07h00 - 08h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023										
59	TTGS2420	Dương Khắc	Đồng	15-10-1994		CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	22/30	Đạt
60	TTGS2422	Đỗ Hương	Giang		27-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	42/60	30/30	Đạt
61	TTGS2423	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang		02-12-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	47/60	25/30	Đạt
62	TTGS2424	Tạ Kiều Hương	Giang		19-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	Miễn	Đạt
63	TTGS2425	Tường Thị	Giang		14-04-1990	CN Hà Nội	CV TTGSNH	42/60	25/30	Đạt
64	TTGS2426	Trần Hương	Giang		09-05-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	21/30	Đạt
65	TTGS2429	Lê Thị Thu	Hà		11-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	29/30	Đạt
66	TTGS2433	Phạm Lê	Hà		26-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
67	TTGS2435	Trần Thị Thu	Hà		19-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	18/30	Đạt
68	TTGS2439	Nguyễn Văn	Hải	18-11-1991		CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	17/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 08h30 - 09h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023										
69	TTGS2444	Nguyễn Thu	Hằng		31-01-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH	46/60	23/30	Đạt
70	TTGS2445	Nguyễn Thúy	Hằng		16-12-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
71	TTGS2447	Trần Vũ Thúy	Hằng		16-09-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt
72	TTGS2451	Nguyễn Thảo	Hiền		19-01-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	17/30	Đạt
73	TTGS2453	Phạm Thị	Hiền		03-05-1990	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	19/30	Đạt
74	TTGS2455	Trần Thu	Hiền		28-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
75	TTGS2459	Nguyễn Thị	Hoa		12-01-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	20/30	Đạt
76	TTGS2460	Phạm Xuân	Hòa	20-12-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	16/30	Đạt
77	TTGS2463	Lưu Thị Bích	Hợp		01-03-1984	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	28/30	Đạt
78	TTGS2464	Lê Thị Thanh	Huệ		20-07-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	21/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 09h30 - 11h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023										
79	TTGS2466	Phạm Thị	Huyền		28-09-1985	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	19/30	Đạt
80	TTGS2467	Bùi Thị	Huyền		01-12-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	21/30	Đạt
81	TTGS2471	Nguyễn Thanh	Huyền		31-12-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả	
							Kiến thức chung	Tiếng Anh		
82	TTGS2472	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		10-07-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	22/30	Đạt
83	TTGS2474	Nguyễn Thị Thu	Huyền		09-11-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	26/30	Đạt
84	TTGS2476	Trần Thị Thu	Huyền		23-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	27/30	Đạt
85	TTGS2480	Bùi Thị	Hương		17-09-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	47/60	24/30	Đạt
86	TTGS2482	Hoàng Thúy	Hương		21-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	17/30	Đạt
87	TTGS2484	Nông Thị Liên	Hương		13-12-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH	47/60	28/30	Đạt
88	TTGS2485	Ngô Quỳnh	Hương		22-09-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	18/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2, từ 13h00 - 14h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023								
89	TTGS2491	Nguyễn Thị Thu	Hường		15-05-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	21/30	Đạt
90	TTGS2495	Dương Ngọc	Khánh	17-04-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH	44/60	23/30	Đạt
91	TTGS2497	Trần Thị	Lan		01-10-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
92	TTGS2498	Lý Văn	Lanh	05-10-1984		CN Hà Nội	CV TTGSNH	44/60	21/30	Đạt
93	TTGS2499	Bùi Thị	Liên		14-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	42/60	21/30	Đạt
94	TTGS2500	Bùi Thùy	Linh		08-05-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	46/60	22/30	Đạt
95	TTGS2502	Đoàn Thị Ánh	Linh		22-12-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	26/30	Đạt
96	TTGS2505	Hồ Trần Cẩm	Linh		05-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	21/30	Đạt
97	TTGS2508	Ngô Thị Ngọc	Linh		20-04-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt
98	TTGS2509	Ngô Thị Phương	Linh		02-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2, từ 14h00 - 15h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023								
99	TTGS2511	Nguyễn Hạnh	Linh		13-11-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
100	TTGS2514	Nguyễn Phương	Linh		20-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	27/30	Đạt
101	TTGS2516	Nguyễn Thảo	Linh		13-01-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
102	TTGS2517	Nguyễn Thị Thùy	Linh		15-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	46/60	28/30	Đạt
103	TTGS2518	Nguyễn Vũ Thùy	Linh		17-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
104	TTGS2522	Trần Phương	Linh		02-11-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	21/30	Đạt
105	TTGS2523	Trịnh Khánh	Linh		16-11-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	Miễn	Đạt
106	TTGS2527	Nguyễn Bích	Loan		22-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
107	TTGS2529	Nguyễn Thành	Long	16-12-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	29/30	Đạt
108	TTGS2531	Hoàng Thị Quỳnh	Ly		24-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 2, từ 15h00 - 17h00 Chủ Nhật ngày 10/12/2023							
109	TTGS2532	Phạm Vũ Hương Ly		06-04-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt
110	TTGS2534	Đoàn Thị Trúc Mai		15-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	27/30	Đạt
111	TTGS2536	Phạm Thị Ngọc Mai		01-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
112	TTGS2537	Trần Ngọc Mai		19-09-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	Miễn	Đạt
113	TTGS2539	Đinh Đức Mạnh	20-06-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
114	TTGS2540	Nguyễn Thị Mến		19-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	47/60	21/30	Đạt
115	TTGS2541	Thân Thị Mến		07-8-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	16/30	Đạt
116	TTGS2545	Nguyễn Tiến Minh	25-11-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
117	TTGS2546	Nguyễn Tuấn Minh		26-08-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	42/60	23/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 07h00 - 08h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023							
118	TTGS2548	Lưu Thị Trà My		12-01-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	29/30	Đạt
119	TTGS2550	Trần Thị Khánh Ninh		16-09-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	16/30	Đạt
120	TTGS2553	Nguyễn Quỳnh Nga		19-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	29/30	Đạt
121	TTGS2555	Hoàng Tuyết Ngân		04-12-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	25/30	Đạt
122	TTGS2557	Nguyễn Lê Quỳnh Ngân		09-10-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	16/30	Đạt
123	TTGS2558	Nguyễn Thị Mai Ngân		03-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	19/30	Đạt
124	TTGS2559	Nguyễn Thị Thanh Ngân		16-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	15/30	Đạt
125	TTGS2560	Phạm Thu Ngân		01-09-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	18/30	Đạt
126	TTGS2561	Nguyễn Thị Thúy Ngân		06-03-1979	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	20/30	Đạt
127	TTGS2563	Dương Thị Bích Ngọc		06-09-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 08h30 - 09h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023							
128	TTGS2567	Lê Thúy Ngọc		14-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	24/30	Đạt
129	TTGS2568	Nguyễn Thị Ngọc		10-03-1983	CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	19/30	Đạt
130	TTGS2569	Nguyễn Thị Bích Ngọc		02-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	23/30	Đạt
131	TTGS2570	Nguyễn Thị Bích Ngọc		08-02-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	27/30	Đạt
132	TTGS2573	Trần Thị Ánh Nguyệt		05-11-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
133	TTGS2574	Bế Minh Nhã		30-8-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	25/30	Đạt
134	TTGS2575	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	44/60	15/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
135	TTGS2580	Đinh Thị Quỳnh Như		08-01-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	46/60	27/30	Đạt
136	TTGS2581	Nguyễn Sỹ Hoàng Phong	03-12-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	27/30	Đạt
137	TTGS2583	Nguyễn Thị Liên Phương		25-12-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 09h30 - 11h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023									
138	TTGS2584	Nguyễn Thị Minh Phương		23-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	43/60	28/30	Đạt
139	TTGS2585	Nguyễn Thị Minh Phương		02-02-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	26/30	Đạt
140	TTGS2586	Nguyễn Thị Minh Phương		11-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	26/30	Đạt
141	TTGS2588	Nguyễn Thị Thu Phương		16-04-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	23/30	Đạt
142	TTGS2593	Phạm Tiến Quân	15-06-1988		CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	24/30	Đạt
143	TTGS2596	Phạm Diễm Quỳnh		28-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
144	TTGS2600	Dương Đình Tân	11-03-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	15/30	Đạt
145	TTGS2601	Nguyễn Phạm Tân	18-09-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	19/30	Đạt
146	TTGS2602	Trần Thùy Tiên		16-04-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	52/60	29/30	Đạt
147	TTGS2605	Hoàng Thị Cẩm Tú		13-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	24/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 13h00 - 14h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023									
148	TTGS2606	Nguyễn Ngọc Tú		25-07-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
149	TTGS2608	Hoàng Thanh Tùng	20-08-1995		CN Hà Nội	CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt
150	TTGS2609	Lê Thanh Tùng	02-09-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	21/30	Đạt
151	TTGS2612	Phạm Thị Tươi		21-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
152	TTGS2613	Đỗ Tuấn Thành	21-03-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	17/30	Đạt
153	TTGS2616	Nguyễn Phương Thảo		21-10-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	45/60	28/30	Đạt
154	TTGS2617	Nguyễn Thị Thảo		25-03-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
155	TTGS2618	Phạm Thị Thảo		04-02-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	23/30	Đạt
156	TTGS2621	Trịnh Phương Thảo		02-03-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	43/60	30/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 14h00 - 15h30 Chủ Nhật ngày 10/12/2023									
157	TTGS2623	Hoàng Thị Thắm		14-07-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH	41/60	24/30	Đạt
158	TTGS2625	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
159	TTGS2627	Phạm Ninh Thuận		19-09-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	40/60	19/30	Đạt
160	TTGS2628	Cao Thị Thanh Thủy		08-05-1988	CN Hà Nội	CV TTGSNH	50/60	28/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
161	TTGS2631	Tô Thị Thanh	Thủy		06-03-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	25/30	Đạt
162	TTGS2633	Đào Thị	Thương		08-05-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	49/60	26/30	Đạt
163	TTGS2634	Dương Thị Thu	Trang		10-02-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	Miễn	Đạt
164	TTGS2635	Đỗ Huyền	Trang		18-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	31/60	30/30	Đạt
165	TTGS2639	Nguyễn Thị Dung	Trang		11-08-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	36/60	18/30	Đạt
166	TTGS2643	Nguyễn Thủy	Trang		31-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	23/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 3, từ 15h00 - 17h00 Chủ Nhật ngày 10/12/2023										
167	TTGS2647	Nguyễn Hà Phương	Trâm		20-11-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	35/60	27/30	Đạt
168	TTGS2649	Đào Thị Kiều	Trinh		22-02-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	38/60	26/30	Đạt
169	TTGS2650	Khiếu Việt	Trinh		16-04-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	26/30	Đạt
170	TTGS2651	Nguyễn Thị Kiều	Trinh		09-03-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH	42/60	22/30	Đạt
171	TTGS2653	Nguyễn Hạ Huệ	Trúc		28-04-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	22/30	Đạt
172	TTGS2654	Đàm Quang	Trung	14-02-1992		CN Hà Nội	CV TTGSNH	32/60	Miễn	Đạt
173	TTGS2661	Bùi Đức	Việt	17-04-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	27/30	Đạt
174	TTGS2663	Phùng Quốc	Việt	22-07-1989		CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	18/30	Đạt
175	TTGS2664	Nguyễn Thị Thanh	Xuân		01-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
176	TTGS2355	Đinh Văn	An	16-09-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH	20/60	-	Không đạt
177	TTGS2361	Lê Mai	Anh		03-06-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	26/30	Không đạt
178	TTGS2366	Nguyễn Hải	Anh		09-06-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	26/30	Không đạt
179	TTGS2377	Phạm Diệu	Anh		29-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	Miễn	Không đạt
180	TTGS2379	Trần Đức	Anh	12-10-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	-	Không đạt
181	TTGS2383	Vũ Ngọc	Anh		19-04-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	22/60	16/30	Không đạt
182	TTGS2393	Hoàng Mạnh	Cường	04-10-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	24/60	-	Không đạt
183	TTGS2399	Nguyễn Hà	Chi		17-10-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	29/60	20/30	Không đạt
184	TTGS2401	Vũ Thị Linh	Chi		23-07-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	-	Không đạt
185	TTGS2419	Nguyễn Phú	Đạt	03-12-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH	27/60	-	Không đạt
186	TTGS2421	Nguyễn Minh	Đông	09-05-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	-	Không đạt
187	TTGS2434	Phạm Thu	Hà		01-06-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	-	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
188	TTGS2436	Trịnh Văn	Hà	19-05-1993		CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	-	Không đạt
189	TTGS2440	Lê Mỹ	Hạnh		17-06-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	-	Không đạt
190	TTGS2442	Bùi Thị Thu	Hằng		17-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	-	Không đạt
191	TTGS2452	Nguyễn Thị Thu	Hiền		15-09-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH	28/60	-	Không đạt
192	TTGS2461	Phan Diệu	Hoàng		05-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	22/60	-	Không đạt
193	TTGS2462	Trần Thị	Hồng		24-08-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	27/60	20/30	Không đạt
194	TTGS2465	Nguyễn Thị	Huệ		16-03-1986	CN Hà Nội	CV TTGSNH	29/60	-	Không đạt
195	TTGS2468	Bùi Thị Thu	Huyền		21-6-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	30/60	14/30	Không đạt
196	TTGS2470	Hà Thị Thu	Huyền		08-05-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	28/60	-	Không đạt
197	TTGS2478	Lê Quốc	Hung	01-10-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH	28/60	24/30	Không đạt
198	TTGS2481	Cao Nguyễn Thu	Hương		07-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	17/30	Không đạt
199	TTGS2490	Lê Thanh	Hường		16-08-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	29/60	17/30	Không đạt
200	TTGS2496	Đoàn Thị	Lai		07-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	39/60	14/30	Không đạt
201	TTGS2501	Đặng Thùy	Linh		15-08-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH	28/60	-	Không đạt
202	TTGS2503	Hoàng Thục	Linh		25-08-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	-	Không đạt
203	TTGS2510	Nguyễn Hải	Linh	29-11-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	-	Không đạt
204	TTGS2512	Nguyễn Khánh	Linh		16-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	12/30	Không đạt
205	TTGS2520	Trần Đặng Thùy	Linh		05-09-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	29/60	-	Không đạt
206	TTGS2535	Phạm Chi	Mai		03-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	21/30	Không đạt
207	TTGS2544	Lê Nhật	Minh	08-04-1997		CN Hà Nội	CV TTGSNH	28/60	-	Không đạt
208	TTGS2547	Hoàng Vũ Huyền	My		01-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	34/60	14/30	Không đạt
209	TTGS2556	Lưu Thị Tường	Ngân		14-10-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	24/60	-	Không đạt
210	TTGS2564	Đỗ Thu	Ngọc		07-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	-	Không đạt
211	TTGS2576	Lưu Trần Minh	Nhật	09-10-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	-	Không đạt
212	TTGS2577	Lê Thị Hồng	Nhung		28-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH	19/60	-	Không đạt
213	TTGS2582	Đào Hồng	Phương		12-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	24/60	29/30	Không đạt
214	TTGS2592	Lê Hùng	Quân	02-09-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	26/30	Không đạt
215	TTGS2595	Dư Thị	Quỳnh		22-03-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	19/30	Không đạt
216	TTGS2604	Kiều Quang	Tồn	04-08-1990		CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	Miễn	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
217	TTGS2614	Trần Thị Thành		19-05-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH	25/60	11/30	Không đạt
218	TTGS2637	Nghiêm Thị Thu Trang		02-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	27/60	-	Không đạt
219	TTGS2640	Nguyễn Thị Thu Trang		25-07-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	21/30	Không đạt
220	TTGS2644	Trần Việt Hà Trang		16-04-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	23/60	-	Không đạt
221	TTGS2646	Vũ Thu Trang		21-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH	26/60	20/30	Không đạt
222	TTGS2665	Trần Thị Yến		24-08-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH	29/60	-	Không đạt
223	CSTT2065	Nguyễn Đức Mạnh	28-05-2001		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	28/60	8/30	Không đạt
224	CSTT2079	Trương Thị Thu Quỳnh		24-02-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	29/60	-	Không đạt
225	CSTT2080	Trần Thị Tâm		10-03-1993	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	29/60	17/30	Không đạt
226	CSTT2082	Tổng Thị Diệu Thanh		21-02-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	25/60	22/30	Không đạt
227	CSTT2089	Đỗ Thị Thanh Thúy		14-12-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	21/60	14/30	Không đạt
228	CSTT2092	Trần Thị Thủy Tiên		07-03-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT	28/60	21/30	Không đạt
229	CSTT2040	Đỗ Lê Thu An		21-09-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
230	CSTT2042	Lưu Thị Kim Anh		23-03-2000	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
231	CSTT2045	Phan Tường Anh		12-10-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
232	CSTT2048	Đỗ Thị Thu Hà		17-12-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
233	CSTT2049	Nguyễn Thị Hải		05-07-1993	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
234	CSTT2051	Nguyễn Thanh Hằng		18-07-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
235	CSTT2052	Nguyễn Thị Hoa		29-08-1996	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
236	CSTT2053	Nguyễn Văn Huân	20-09-2000		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
237	CSTT2054	Nguyễn Thị Hương		03-02-1986	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
238	CSTT2055	Phạm Ngọc Lan Hương		18-04-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
239	CSTT2057	Nguyễn Văn Lâm	23-02-1991		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
240	CSTT2060	Nguyễn Ngọc Thảo Linh		22-09-1995	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
241	CSTT2062	Vũ Hoàng Diệp Linh		26-01-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
242	CSTT2067	Đỗ Thị Nguyệt Minh		16-12-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
243	CSTT2068	Ngô Thị Hồng Minh		14-12-1990	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
244	CSTT2069	Nguyễn Tuấn Minh		29-08-1999	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
245	CSTT2073	Nguyễn Lê Hồng Nhung		13-01-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng

VIỆT NAM

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
246	CSTT2074	Triệu Thị Phương Nhung		04-04-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
247	CSTT2075	Ngô Lan Phương		19-12-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
248	CSTT2076	Nguyễn Hà Phương		12-03-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
249	CSTT2077	Trần Lâm Phương		28-04-1998	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
250	CSTT2081	Phan Đức Thắng	04-02-2000		CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
251	CSTT2087	Bùi Thị Bảo Thoa		19-02-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
252	CSTT2094	Lê Huyền Trang		09-07-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
253	CSTT2096	Nguyễn Minh Hạnh Trang		15-06-2001	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
254	CSTT2097	Tạ Thị Huyền Trang		12-09-1993	CN Hà Nội	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
255	TTGS2357	Đặng Thị Vân Anh		25-11-2000	CN Hà Nội	CVTTGSNH			Vắng
256	TTGS2358	Đoàn Tuấn Anh	20-03-2001		CN Hà Nội	CVTTGSNH			Vắng
257	TTGS2360	Hoàng Minh Anh	21-04-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
258	TTGS2364	Mai Đỗ Việt Anh	28-12-2001		CN Hà Nội	CVTTGSNH			Vắng
259	TTGS2368	Nguyễn Kim Anh		30-01-1992	CN Hà Nội	CVTTGSNH			Vắng
260	TTGS2373	Nguyễn Thị Lan Anh		28-10-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
261	TTGS2374	Nguyễn Thị Minh Anh		06-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
262	TTGS2375	Nguyễn Thị Thùy Anh		15-09-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
263	TTGS2378	Tạ Duy Anh	12-10-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
264	TTGS2380	Trần Thị Kim Anh		08-01-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
265	TTGS2381	Trịnh Thị Hải Anh		26-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
266	TTGS2385	Mai Ngọc Ánh		04-02-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
267	TTGS2386	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		20-08-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
268	TTGS2389	Nguyễn Thị Bích		30-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
269	TTGS2391	Vũ Thanh Bình		05-05-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
270	TTGS2394	Lê Cường	29-07-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
271	TTGS2395	Phạm Tuấn Cường	13-07-1995		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
272	TTGS2397	Hoàng Kim Chi		12-12-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
273	TTGS2405	Nguyễn Thị Diệp		01-09-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
274	TTGS2406	Vũ Đăng Doanh	09-07-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
275	TTGS2407	Cần Thị Phương Dung		08-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
276	TTGS2410	Trần Kim Dung		05-09-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
277	TTGS2411	Trần Phương Dung		18-12-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
278	TTGS2412	Đỗ Anh Dũng	25-03-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
279	TTGS2416	Nguyễn Ngọc Thùy Dương		19-03-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
280	TTGS2418	Vũ Thùy Dương		16-01-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
281	TTGS2427	Trần Thu Giang		27-02-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
282	TTGS2428	Đặng Ngọc Hà		29-11-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
283	TTGS2430	Ngô Thị Thu Hà		27-06-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
284	TTGS2431	Nguyễn Thị Hà		20-06-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
285	TTGS2432	Nguyễn Thu Hà		17-07-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
286	TTGS2437	Vũ Thị Hà		08-03-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
287	TTGS2438	Nguyễn Thanh Hải	07-10-1997		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
288	TTGS2441	Lê Thị Hạnh		05-03-1995	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
289	TTGS2443	Đỗ Thu Hằng		11-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
290	TTGS2446	Trần Thu Hằng		12-08-1986	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
291	TTGS2448	Trương Thanh Hậu		14-07-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
292	TTGS2449	Đàm Thu Hiền		27-11-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
293	TTGS2450	Lê Thị Phương Hiền		28-06-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
294	TTGS2454	Phan Thị Thúy Hiền		10-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
295	TTGS2456	Trần Thanh Hiếu	09-10-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
296	TTGS2457	Lê Ngọc Hiệu	16-06-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
297	TTGS2458	Hoàng Thị Thanh Hoa		27-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
298	TTGS2469	Đoàn Khánh Huyền		24-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
299	TTGS2473	Nguyễn Thị Thu Huyền		27-11-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
300	TTGS2475	Phạm Thị Thu Huyền		20-06-1986	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
301	TTGS2477	Vũ Thảo Huyền		22-06-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
302	TTGS2479	Trần Khải Hưng	27-04-1984		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
303	TTGS2483	Khúc Thanh Hương		31-12-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng



STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
304	TTGS2486	Nguyễn Thị	Hương		12-7-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
305	TTGS2487	Nguyễn Thị Thu	Hương		24-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
306	TTGS2488	Phạm Thị Thu	Hương		22-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
307	TTGS2489	Vương Thu	Hương		25-01-1989	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
308	TTGS2492	Thang Thị	Kết		28-09-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
309	TTGS2493	Vũ Nguyễn Trung	Kiên	05-12-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
310	TTGS2494	Lê Tuấn	Kiệt	25-11-1999		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
311	TTGS2504	Hoàng Thùy	Linh		05-09-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
312	TTGS2506	Lê Thị Mai	Linh		10-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
313	TTGS2507	Lê Thị Phương	Linh		09-12-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
314	TTGS2513	Nguyễn Mai	Linh		12-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
315	TTGS2515	Nguyễn Phương	Linh		06-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
316	TTGS2519	Phạm Khánh	Linh		08-02-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
317	TTGS2521	Trần Hồng Hạnh	Linh		05-03-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
318	TTGS2524	Vũ Viết Yến	Linh		04-12-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
319	TTGS2525	Nguyễn Hồng	Linh	05-04-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
320	TTGS2526	Lý Thanh	Loan		11-09-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
321	TTGS2528	Nguyễn Thanh	Loan		15-7-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
322	TTGS2530	Nguyễn Văn Thành	Long	19-02-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
323	TTGS2533	Vũ Thị	Lý		11-10-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
324	TTGS2538	Trần Thị Thanh	Mai		22-03-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
325	TTGS2542	Trần Thị	Miễn		10-02-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
326	TTGS2543	Chu Nguyệt	Minh		05-12-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
327	TTGS2549	Lê Nhật	Mỹ		20-02-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
328	TTGS2551	Đặng Thị	Nga		10-02-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
329	TTGS2552	Hồ Thanh	Nga		27-09-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
330	TTGS2554	Trần Thị Thanh	Nga		06-07-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
331	TTGS2562	Bùi Thị Hồng	Ngọc		26-08-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
332	TTGS2565	Hoàng Bảo	Ngọc		09-08-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
333	TTGS2566	Lê Thị Bích	Ngọc		11-4-1984	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
334	TTGS2571	Trần Thị Minh	Ngọc		26-10-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
335	TTGS2572	Vũ Thị Khánh	Ngọc		29-05-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
336	TTGS2578	Nguyễn Cẩm	Nhung		27-07-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
337	TTGS2579	Phan Thị	Nhung		22-08-1988	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
338	TTGS2587	Nguyễn Thị Thu	Phương		26-07-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
339	TTGS2589	Phan Thị Thu	Phương		25-11-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
340	TTGS2590	Trương Thị Nam	Phương		22-03-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
341	TTGS2591	Vũ Hà	Phương		05-04-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
342	TTGS2594	Cần Thị Minh	Quý		08-09-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
343	TTGS2597	Tường Thu	Son		23-11-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
344	TTGS2598	Đào Anh	Tài	28-12-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
345	TTGS2599	Lê Minh	Tâm	28-10-2001		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
346	TTGS2603	Nguyễn Thị Kim	Tiến		16-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
347	TTGS2607	Nguyễn Thanh	Tú		10-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
348	TTGS2610	Đỗ Văn	Tuyển	08-04-1998		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
349	TTGS2611	Nguyễn Thị Kim	Tuyển		05-09-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
350	TTGS2615	Đàm Phương	Thảo		12-10-2002	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
351	TTGS2619	Quách Thu	Thảo		30-01-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
352	TTGS2620	Trần Phương	Thảo		08-03-1991	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
353	TTGS2622	Trần Thị Phương	Thảo		07-10-1998	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
354	TTGS2624	Lê Duy	Thi	16-07-1988		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
355	TTGS2626	Phạm Hoài	Thu		28-06-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
356	TTGS2629	Ngô Thị	Thủy		22-11-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
357	TTGS2630	Nguyễn Thị	Thủy		21-07-1993	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
358	TTGS2632	Nguyễn Thị	Thúy		12-11-1987	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
359	TTGS2636	Lê Đào Thiên	Trang		14-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
360	TTGS2638	Nguyễn Huyền	Trang		27-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
361	TTGS2641	Nguyễn Thu	Trang		04-01-2000	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
362	TTGS2642	Nguyễn Thu	Trang		04-11-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
363	TTGS2645	Vũ Huyền	Trang		15-10-1996	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
364	TTGS2648	Nguyễn Ngọc	Trâm		13-06-1994	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
365	TTGS2652	Trần Ngọc Phương	Trinh		27-12-1997	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
366	TTGS2655	Đặng Quang	Trung	14-3-1996		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
367	TTGS2656	Đặng Khánh	Uyên		13-01-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
368	TTGS2657	Đỗ Thị Tú	Uyên		17-02-1992	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
369	TTGS2658	Trần Thị Kim	Uyên		01-08-1999	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
370	TTGS2659	Chu Thảo	Vân		21-08-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
371	TTGS2660	Phạm Lê Khánh	Vân		26-10-2001	CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
372	TTGS2662	Nguyễn Hoàng	Việt	12-09-2000		CN Hà Nội	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG										
Bàn phỏng vấn 2, từ 13h00 - 14h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023										
1	TTGS2694	Đặng Việt	Hùng	18-05-1997		CN Hải Dương	CV TTGSNH	34/60	25/30	Đạt
2	TTGS2695	Dương Thị Thu	Hương		21-02-2001	CN Hải Dương	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt
3	TTGS2696	Tăng Sơn	Lộc	16-08-1998		CN Hải Dương	CV TTGSNH	45/60	29/30	Đạt
4	TTGS2699	Ngô Thị Thu	Quỳnh		15-09-1993	CN Hải Dương	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
5	TTGS2700	Trịnh Đức	Thái	12-08-1990		CN Hải Dương	CV TTGSNH	53/60	29/30	Đạt
6	TTGS2702	Đặng Thị Thu	Thủy		20-07-2000	CN Hải Dương	CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
7	TTGS2704	Hà Thị	Vân		09-02-1996	CN Hải Dương	CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
8	TTGS2705	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		22-11-1997	CN Hải Dương	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2										
9	TTGS2693	Phạm Thị	Huệ		29-06-1993	CN Hải Dương	CV TTGSNH			Vắng
10	TTGS2697	Lê Thị Thanh	Mai		03-04-2001	CN Hải Dương	CV TTGSNH			Vắng
11	TTGS2698	Lương Thị Cẩm	Ngọc		12-04-1999	CN Hải Dương	CV TTGSNH			Vắng
12	TTGS2701	Nguyễn Minh	Thắng	01-05-1991		CN Hải Dương	CV TTGSNH			Vắng
13	TTGS2703	Nguyễn Đức	Toàn	16-02-1999		CN Hải Dương	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		NHNN CHI NHÁNH HẢI PHÒNG							
		Bàn phỏng vấn 3, từ 07h00 - 08h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	CSTT2186	Lê Quỳnh Chi		14-10-1996	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	46/60	27/30	Đạt
2	CSTT2191	Đỗ Thị Thu Huyền		04-01-1994	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	37/60	26/30	Đạt
3	CSTT2192	Phan Vũ Nhật Linh		22-09-1998	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	35/60	28/30	Đạt
4	CSTT2193	Đồng Thị Bích Ngân		09-12-1995	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	41/60	29/30	Đạt
5	TTGS2667	Lê Quỳnh Chi		14-10-1996	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	49/60	29/30	Đạt
6	TTGS2668	Trần Tiến Đạt	25-01-1999		CN Hải Phòng	CV TTGSNH	35/60	15/30	Đạt
7	TTGS2670	Lê Thị Hồng Hà		02-10-1997	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 08h30 - 09h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
8	TTGS2671	Đào Quế Hằng		24-11-1995	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	39/60	22/30	Đạt
9	TTGS2674	Nguyễn Trung Hiếu	11-07-1992		CN Hải Phòng	CV TTGSNH	39/60	25/30	Đạt
10	TTGS2675	Quách Minh Hiếu	25-02-1998		CN Hải Phòng	CV TTGSNH	38/60	24/30	Đạt
11	TTGS2678	Hoàng Trọng Huy	24-12-2001		CN Hải Phòng	CV TTGSNH	30/60	19/30	Đạt
12	TTGS2679	Nguyễn Văn Khải	30-07-1991		CN Hải Phòng	CV TTGSNH	32/60	16/30	Đạt
13	TTGS2680	Phan Vũ Nhật Linh		22-09-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
14	TTGS2681	Trần Diệu Linh		06-09-1993	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 09h30 - 11h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
15	TTGS2684	Trần Thị Nga		28-01-1990	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	32/60	19/30	Đạt
16	TTGS2685	Nguyễn Minh Ngọc		22-12-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	34/60	22/30	Đạt
17	TTGS2686	Trương Thị Bích Ngọc		07-02-1987	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	49/60	25/30	Đạt
18	TTGS2687	Đỗ Thực Sương		20-01-1999	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	38/60	28/30	Đạt
19	TTGS2688	Nguyễn Hồng Trang		13-11-1998	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	33/60	26/30	Đạt
20	TTGS2689	Nguyễn Thị Thu Trang		26-03-1987	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt
21	TTGS2692	Trần Thị Cẩm Tú		21-01-1988	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	34/60	26/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
22	TTGS2669	Phạm Thị Thùy Dung		16-10-2001	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	18/60	24/30	Không đạt
23	TTGS2690	Nguyễn Thị Thùy Trang		14-04-2001	CN Hải Phòng	CV TTGSNH	27/60	-	Không đạt
24	CSTT2187	Trần Thanh Duyên		30-07-1997	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	38/60	12/30	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiểm thức chung	Tiếng Anh	
25	CSTT2188	Ninh Thị Thu	Hằng		28-07-1995	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	29/60	-	Không đạt
26	CSTT2189	Nguyễn Trung	Hiếu	08-06-1996		CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT	28/60	-	Không đạt
27	CSTT2185	Nguyễn Hoàng	Anh		24-01-1999	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
28	CSTT2190	Chu Thị Thanh	Huyền		23-12-1994	CN Hải Phòng	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
29	TTGS2666	Lê Thị Vân	Anh		22-08-1994	CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
30	TTGS2672	Bùi Thị	Hạnh		14-07-1992	CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
31	TTGS2673	Nguyễn Thị Thúy	Hiền		25-01-2001	CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
32	TTGS2676	Nguyễn Thị	Hoa		19-08-1992	CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
33	TTGS2677	Hoàng Như	Hữu	25-02-1998		CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
34	TTGS2682	Chu Đức	Minh	07-02-1991		CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
35	TTGS2683	Lê Hồng	Minh	07-07-1992		CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
36	TTGS2691	Trần Thị Như	Trang		29-03-1982	CN Hải Phòng	CV TTGSNH			Vắng
NHNN CHI NHÁNH LẠNG SƠN										
Bàn phỏng vấn 1, từ 08h00 - 09h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023										
1	CSTT2032	Nhữ Thị Thùy	Chi		01-7-2000	CN Lạng Sơn	CVHD và thực thi CSTT	32/60	21/30	Đạt
2	CSTT2033	Đỗ Thị Nguyệt	Minh		16-12-2001	CN Lạng Sơn	CVHD và thực thi CSTT	31/60	24/30	Đạt
3	CSTT2034	Trần Thị Thu	Phương		27-8-1999	CN Lạng Sơn	CVHD và thực thi CSTT	30/60	15/30	Đạt
4	CSTT2035	Nguyễn Quang	Trung	26-9-1996		CN Lạng Sơn	CVHD và thực thi CSTT	33/60	25/30	Đạt
5	TTGS2151	Trịnh Thị Phương	Anh		17-10-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt
6	TTGS2153	Triệu Quỳnh	Giao		24-10-2000	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	42/60	26/30	Đạt
7	TTGS2154	Trương Mỹ	Hạnh		18-3-1989	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	42/60	27/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 1, từ 09h30 - 11h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023										
8	TTGS2156	Hoàng Ngọc	Linh		09-01-1998	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	32/60	17/30	Đạt
9	TTGS2157	Nguyễn Khánh	Ly		14-11-1995	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
10	TTGS2158	Nguyễn Hữu	Phước	17-8-2000		CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
11	TTGS2159	Hà Diễm	Quỳnh		17-12-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	37/60	18/30	Đạt
12	TTGS2160	Hoàng Thị	Quỳnh		10-8-1998	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
13	TTGS2161	Kiều Hồng	Son	11-9-1996		CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	38/60	26/30	Đạt
14	TTGS2162	Chu Thị Diệu	Thu		22-12-1985	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	34/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
15	TTGS2155	Nông Ngọc Lê		26-9-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH	29/60	-	Không đạt
16	TTGS2149	Nguyễn Quỳnh Anh		05-05-1989	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH			Vắng
17	TTGS2150	Nông Thị Mai Anh		11-05-1999	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH			Vắng
18	TTGS2152	Nguyễn Thị Việt Chinh		17-9-2001	CN Lạng Sơn	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH LÀO CAI							
		Bàn phỏng vấn 1, từ 13h00 - 14h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	CSTT2001	Nguyễn Thị Mai Anh		12-02-1998	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	40/60	19/30	Đạt
2	CSTT2002	Lê Việt Anh		12-12-1994	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	41/60	16/30	Đạt
3	CSTT2004	Nguyễn Thị Ngọc Diệp		18-02-1987	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	32/60	20/30	Đạt
4	CSTT2005	Lê Thanh Nga		06-03-1996	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	38/60	27/30	Đạt
5	CSTT2007	Đỗ Lê Hương		06-12-2000	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	47/60	27/30	Đạt
6	CSTT2008	Phạm Thị Thu Hương		05-11-1998	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	40/60	17/30	Đạt
7	CSTT2010	Trương Thị Thu Huyền		12-11-1991	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	42/60	26/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
3	CSTT2003	Đào Thị Quỳnh Dương		07-10-1988	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT	25/60	12/30	Không đạt
6	CSTT2006	Phạm Thu Hiền		22-01-2000	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
9	CSTT2009	Trần Thị Huyền		28-01-1995	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
11	CSTT2011	Đỗ Thị Ngọc Mai		05-09-1989	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
12	CSTT2012	Lê Thu Trang		05-11-1999	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
13	CSTT2013	Trần Thị Tú Uyên		01-01-2001	CN Lào Cai	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH NAM ĐỊNH							
		Bàn phỏng vấn 2, từ 07h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	TTGS2706	Hà Phương Anh		19-7-2001	CN Nam Định	CV TTGSNH	41/60	28/30	Đạt
2	TTGS2707	Đoàn Thanh Dung		21-02-2001	CN Nam Định	CV TTGSNH	32/60	26/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
3	TTGS2708	Phạm Thị Hằng		23-06-2000	CN Nam Định	CV TTGSNH			Vắng
4	TTGS2709	Phạm Tùng Phương	10-03-1995		CN Nam Định	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		NHNN CHI NHÁNH NINH BÌNH							
		Bàn phỏng vấn 2, từ 07h00 - 09h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	CSTT2116	Bùi Thùy Anh		07-10-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	36/60	22/30	Đạt
2	CSTT2117	Dương Văn Lan Anh		03-10-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	41/60	25/30	Đạt
3	CSTT2118	Nguyễn Thị Anh		12-11-2000	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	34/60	29/30	Đạt
4	CSTT2120	Trịnh Thị Kim Dung		23-09-1996	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	42/60	24/30	Đạt
5	CSTT2121	Vũ Hoàng Duy	17-10-1999		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	48/60	29/30	Đạt
6	CSTT2122	Phạm Thái Hà	27-05-1996		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	37/60	20/30	Đạt
7	CSTT2124	Lã Thu Huyền		08-07-1996	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	40/60	21/30	Đạt
8	CSTT2125	Bùi Khánh Linh		17-10-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	35/60	23/30	Đạt
9	CSTT2128	Nguyễn Như Quỳnh Mai		01-01-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	46/60	29/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2, từ 09h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
10	CSTT2132	Vũ Thị Ngọc		03-11-1992	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	39/60	24/30	Đạt
11	CSTT2133	Bùi Minh Nguyệt		29-05-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	35/60	25/30	Đạt
12	CSTT2135	Phạm Thị Hà Phương		20-08-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	44/60	26/30	Đạt
13	CSTT2136	Phạm Thị Phụng		29-11-1992	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	40/60	18/30	Đạt
14	CSTT2139	Cao Xuân Thanh Thảo		27-10-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	43/60	26/30	Đạt
15	CSTT2140	Lê Thu Thảo		31-12-1999	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	33/60	29/30	Đạt
16	CSTT2143	Vũ Thị Thanh Vân		09-02-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	38/60	24/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
17	CSTT2119	Hoàng Linh Chi		02-09-1999	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	27/60	-	Không đạt
18	CSTT2126	Đỗ Hoàng Khánh Linh		25-07-1999	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	29/60	-	Không đạt
19	CSTT2127	Nguyễn Đình Lương	10-12-2001		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	29/60	12/30	Không đạt
20	CSTT2137	Nguyễn Như Quỳnh		05-09-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	27/60	-	Không đạt
21	CSTT2138	Nguyễn Minh Tâm		22-01-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT	25/60	26/30	Không đạt
22	CSTT2123	Bùi Hoàng Hiệp	26-11-1996		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
23	CSTT2129	Phạm Thị Hà Minh		24-09-1991	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
24	CSTT2130	Bùi Thị Thúy Nga		01-10-1999	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
25	CSTT2131	Nguyễn Thị Thúy Ngân		11-09-2001	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
26	CSTT2134	Trần Thị Kim Oanh		20-01-1997	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
27	CSTT2141	Nguyễn Thị Thảo		10-11-1994	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
28	CSTT2142	Phạm Văn Trang		27-09-1992	CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
29	CSTT2144	Phạm Hùng Việt	22-11-2000		CN Ninh Bình	CVHD và thực thi CSTT			Vắng
NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NINH									
Bàn phỏng vấn 2, từ 14h00 - 15h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023									
1	TTGS2224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		05-02-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	40/60	27/30	Đạt
2	TTGS2225	Phạm Minh Anh		01-12-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	44/60	Miễn	Đạt
3	TTGS2227	Hà Ngọc Diệp		07-03-1998	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	42/60	27/30	Đạt
4	TTGS2231	Vũ Trung Hiếu	24-09-2001		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	37/60	20/30	Đạt
5	TTGS2233	Nịnh Thị Hương		27-10-2001	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	45/60	26/30	Đạt
6	TTGS2234	Đặng Thị Bích Hường		26-05-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	32/60	19/30	Đạt
7	TTGS2238	Bùi Thị Thanh Mai		06-01-1991	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	34/60	23/30	Đạt
Bàn phỏng vấn 2, từ 15h30 - 17h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023									
8	TTGS2239	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		13-09-2000	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
9	TTGS2240	Vũ Thúy Ngọc		12-12-1997	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt
10	TTGS2242	Nguyễn Tất Thành	26/01/1991		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
11	TTGS2243	Nguyễn Thái Thảo		20-08-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	46/60	25/30	Đạt
12	TTGS2244	Trần Thanh Thảo		24-05-2000	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
13	TTGS2246	Lưu Thị Thùy Trang		10-09-1995	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	39/60	18/30	Đạt
Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2									
14	TTGS2241	Lê Thị Yến Nhi		20-09-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	33/60	12/30	Không đạt
15	TTGS2245	Đào Đức Thịnh	13-01-1996		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	28/60	-	Không đạt
16	TTGS2247	Trịnh Thị Quỳnh Trang		08-03-1992	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	23/60	15/30	Không đạt
17	TTGS2248	Phạm Thanh Tùng	25-02-1994		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH	34/60	10/30	Không đạt
18	TTGS2223	Lê Phương Anh		27-06-2001	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
19	TTGS2226	Trần Ngọc Anh		19-12-1999	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
20	TTGS2228	Vũ Phú Dũng	16-09-2001		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2229	Nguyễn Thu Hằng		29-07-1993	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
22	TTGS2230	Tô Thị Hằng		22-05-1996	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2232	Hà Thị Mai Hương		18-08-1998	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2235	Bùi Đức Huy	09-01-1995		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
25	TTGS2236	Lê Thị Phong Lan		07-12-1980	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
26	TTGS2237	Dương Thành Long	16-04-1999		CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
27	TTGS2249	Nguyễn Ánh Tuyết		28-10-1989	CN Quảng Ninh	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH THÁI BÌNH							
		Bàn phỏng vấn 3, từ 13h00 - 14h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	TTGS2260	Phạm Thị Phương Anh		08-3-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt
2	TTGS2261	Trần Lan Anh		11-4-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt
3	TTGS2263	Nguyễn Thành Đạt	15-9-1999		CN Thái Bình	CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
4	TTGS2265	Nguyễn Thị Hà		01-10-1989	CN Thái Bình	CV TTGSNH	45/60	24/30	Đạt
5	TTGS2267	Triệu Minh Hằng		17-3-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH	30/60	25/30	Đạt
6	TTGS2272	Nguyễn Thị Thu Hương		12-12-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH	31/60	16/30	Đạt
7	TTGS2273	Nguyễn Thu Hương		21-11-1995	CN Thái Bình	CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 14h30 - 15h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
8	TTGS2274	Nguyễn Thu Hương		27-3-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH	44/60	19/30	Đạt
9	TTGS2278	Phạm Thị Huyền		07-12-1996	CN Thái Bình	CV TTGSNH	43/60	23/30	Đạt
10	TTGS2279	Phạm Quang Lâm	01-02-2000		CN Thái Bình	CV TTGSNH	51/60	30/30	Đạt
11	TTGS2280	Phạm Nguyễn Diệu Linh		28-11-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH	35/60	26/30	Đạt
12	TTGS2281	Nguyễn Thị Loan		25-12-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH	33/60	29/30	Đạt
13	TTGS2283	Nguyễn Thị Thanh Nga		02-02-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH	37/60	29/30	Đạt
14	TTGS2284	Trịnh Thị Hồng Nga		24-01-1991	CN Thái Bình	CV TTGSNH	44/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3, từ 15h30 - 17h00 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
15	TTGS2286	Đặng Thị Hoàng Ngân		17-11-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH	38/60	25/30	Đạt
16	TTGS2288	Phạm Thị Ánh Nhật		02-9-1998	CN Thái Bình	CV TTGSNH	32/60	15/30	Đạt
17	TTGS2295	Đỗ Thị Phương Thảo		08-12-1994	CN Thái Bình	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
18	TTGS2296	Bùi Thị Minh Thu		05-02-1997	CN Thái Bình	CV TTGSNH	31/60	20/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
							Kiến thức chung	Tiếng Anh	
19	TTGS2297	Phan Vũ Anh Thư		14-11-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH	34/60	30/30	Đạt
20	TTGS2298	Dương Thị Thu Trang		12-9-1988	CN Thái Bình	CV TTGSNH	51/60	28/30	Đạt
21	TTGS2300	Phí Thị Thùy Trang		07-12-1998	CN Thái Bình	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
22	TTGS2270	Đinh Thị Huế		16-3-1993	CN Thái Bình	CV TTGSNH	35/60	13/30	Không đạt
23	TTGS2287	Đặng Thị Ngoan		28-02-1995	CN Thái Bình	CV TTGSNH	40/60	12/30	Không đạt
24	TTGS2292	Bùi Huy Thắng	24-7-1999		CN Thái Bình	CV TTGSNH	32/60	13/30	Không đạt
25	TTGS2293	Đỗ Phương Thảo		17-01-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH	24/60	22/30	Không đạt
26	TTGS2302	Nguyễn Thanh Xuân		08-02-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH	23/60	22/30	Không đạt
27	TTGS2262	Bùi Linh Chi		29-9-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
28	TTGS2264	Nguyễn Hương Giang		09-8-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
29	TTGS2266	Vũ Hải Hà		08-8-2000	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
30	TTGS2268	Phạm Thị Hạnh		18-9-1990	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
31	TTGS2269	Phạm Minh Hiệu	12-10-2000		CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
32	TTGS2271	Đỗ Xuân Hùng	07-10-2001		CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
33	TTGS2275	Phạm Thị Hương		09-9-1994	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
34	TTGS2276	Vũ Văn Huy	05-02-2001		CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
35	TTGS2277	Đinh Thanh Huyền		14-9-1991	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
36	TTGS2282	Phạm Hải Long	10-02-2000		CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
37	TTGS2285	Lê Thị Ngà		14-02-1993	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
38	TTGS2289	Hoàng Thị Mai Nhung		19-8-1992	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
39	TTGS2290	Nguyễn Hồng Nhung		02-8-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
40	TTGS2291	Nhâm Thị Minh Phương		25-12-2001	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
41	TTGS2294	Đỗ Phương Thảo		27-3-1998	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
42	TTGS2299	Phạm Thu Trang		21-12-1991	CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
43	TTGS2301	Dương Quang Vinh	13-02-2000		CN Thái Bình	CV TTGSNH			Vắng
		NHNN CHI NHÁNH VĨNH PHÚC							
		Bàn phỏng vấn 1, từ 07h00 - 08h30 Thứ Bảy ngày 09/12/2023							
1	TTGS2166	Lê Phúc Biêng	22-04-1991		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	41/60	15/30	Đạt
2	TTGS2168	Vũ Hồng Linh Chi		14-05-2001	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	35/60	24/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
								Kiến thức chung	Tiếng Anh	
3	TTGS2169	Nguyễn Thị	Dung		16-11-1995	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	31/60	28/30	Đạt
4	TTGS2170	Vi Việt	Hà		5/2/1994	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	36/60	25/30	Đạt
5	TTGS2175	Nguyễn Thị Trà	Mi		10/3/2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	31/60	21/30	Đạt
6	TTGS2180	Hoàng Thị Mai	Thảo		22-03-1995	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
7	TTGS2181	Trần Thị	Tinh		12-08-1992	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	43/60	23/30	Đạt
8	TTGS2185	Hoàng Lê	Tùng	24-06-1991		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	38/60	21/30	Đạt
9	TTGS2186	Phạm Thị Ngọc	Yến		30-08-1998	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	52/60	25/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2								
10	TTGS2164	Nguyễn Bùi Hà	Anh		17-10-1996	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	35/60	11/30	Không đạt
11	TTGS2171	Bùi Hồng	Hà		10-01-2001	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH	29/60	28/30	Không đạt
12	TTGS2163	Hà Văn	Anh		01-07-2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
13	TTGS2165	Đặng Huệ	Anh		27-02-2001	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
14	TTGS2167	Trần Minh	Châu	16-04-1989		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
15	TTGS2172	Trần Minh	Huệ		09-12-1993	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
16	TTGS2173	Nguyễn Khánh	Linh		21-08-1997	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
17	TTGS2174	Vũ Duy	Linh	04-09-1993		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
18	TTGS2176	Nguyễn Ngọc	Minh		20-10-1989	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
19	TTGS2177	Vũ Thị Thúy	Nga		15-09-1997	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
20	TTGS2178	Đoàn Thị Hồng	Nhung		26-07-1998	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
21	TTGS2179	Đỗ Thi Thanh	Thảo		22-10-2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
22	TTGS2182	Nguyễn Thị Thu	Trang		26-07-2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
23	TTGS2183	Nguyễn Hà	Trang		13-09-2000	CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng
24	TTGS2184	Đỗ Thành	Trung	30-07-1992		CN Vĩnh Phúc	CV TTGSNH			Vắng